

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN MỸ HẢI LỘC

HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẨM ĐỘ
TẠI KHU VỰC ẨM ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG
(2007 - 2024)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GVHD1: PGS.TS. Trần Thiện Thanh
GVHD2: TS. Phạm Thị Yên

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện: PGS.TS. Văn Ngọc Thành
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện: PGS.TS. Võ Xuân Vinh
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Khu vực AĐD-TBD đang ngày càng nổi lên như một không gian chiến lược trung tâm trong cấu trúc chính trị - an ninh toàn cầu. Với vị trí trọng yếu kết nối các tuyến hàng hải quan trọng nhất thế giới, giàu tài nguyên thiên nhiên, đồng thời là nơi tập trung các thị trường kinh tế năng động, khu vực này trở thành điểm hội tụ lợi ích của các cường quốc. Sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa các trung tâm quyền lực lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, đã đặt các quốc gia trong khu vực vào tình thế phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại, tái định hình vai trò quốc gia trong bối cảnh môi trường an ninh ngày càng phức tạp và đa chiều.

Trong bối cảnh tái cấu trúc trật tự khu vực AĐD-TBD dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, Ấn Độ nổi lên như một nhân tố trung tâm với ảnh hưởng ngày càng rõ nét. Nằm tại điểm giao cắt giữa Nam Á, Đông Nam Á và Ấn Độ Dương - nơi kiểm soát nhiều tuyến hàng hải chiến lược, Ấn Độ sở hữu lợi thế địa chiến lược nổi bật, cho phép nước này đóng vai trò then chốt trong các sáng kiến an ninh khu vực. Vai trò đó được củng cố thông qua việc tăng cường hiện diện hải quân, mở rộng hợp tác quốc phòng song phương và đa phương, cũng như tham gia chủ động vào các cơ chế an ninh như Quad, IORA và BIMSTEC. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, Ấn Độ không chỉ được xem là đối tác có khả năng cân bằng quyền lực mà còn là một lực lượng kiến tạo an ninh khu vực dựa trên luật lệ, minh bạch và đa phương.

Truyền thống đối ngoại của Ấn Độ vốn gắn liền với chính sách trung lập và vai trò đồng sáng lập phong trào Không liên kết. Tuy nhiên, trong hơn hai thập kỷ qua, Ấn Độ đã từng bước điều chỉnh tư duy chiến lược, chuyển từ thế phòng thủ sang thế chủ động, dựa trên mô hình “*tự chủ chiến lược*” và “*đa liên kết*”. Sự hình thành của Quad vào năm 2007 là một bước ngoặt quan trọng, phản ánh cách tiếp cận mới của Ấn Độ trong lĩnh vực an ninh khu vực, trong đó hợp tác quốc phòng được xem là công cụ cốt lõi để vừa mở rộng ảnh hưởng, vừa tạo thế cân bằng trước sự trỗi dậy và gia tăng hiện diện của Trung Quốc qua BRI và chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*” tại AĐD.

Nếu như giai đoạn dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004–2014) chủ yếu phản ánh giai đoạn hình thành nhận thức chiến lược của Ấn Độ về khu vực AĐD-TBD, thì dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi (2014–2024), chiến lược quốc phòng đã có sự chuyển hướng sâu rộng, mang

tính chủ động và thực dụng hơn. Ấn Độ tập trung nâng cao năng lực phòng thủ, củng cố sức mạnh và xây dựng một vị thế chiến lược mới, hướng đến mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có tiềm lực quốc phòng toàn diện vào năm 2047. Trọng tâm của chiến lược này là thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác then chốt như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga và các nước ASEAN, nhằm góp phần kiến tạo một cấu trúc an ninh khu vực dựa trên luật lệ. Ưu tiên hàng đầu được dành cho việc bảo đảm tự do hàng hải, phát huy vai trò gìn giữ hòa bình của Hải quân Ấn Độ trong bối cảnh tình hình chính trị – an ninh khu vực có nhiều diễn biến phức tạp. Hợp tác quốc phòng không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, mà còn định hình vai trò của Ấn Độ như một “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*”, hình ảnh mà Mỹ kỳ vọng ở Ấn Độ trong cấu trúc an ninh khu vực.

Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024 không chỉ làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, mà còn mang lại những giá trị tham khảo thiết thực cho Việt Nam trong hoạch định chính sách hợp tác quốc tế về quốc phòng và an ninh trong bối cảnh chính trị khu vực đang ngày càng biến động. Từ thực tiễn của Ấn Độ, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về cách tiếp cận linh hoạt nhưng kiên định trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế chiến lược và thích ứng với cạnh tranh giữa các cường quốc. Xuất phát từ những cơ sở đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “**Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (2007–2024)**” để thực hiện luận án Tiến sĩ ngành Quan hệ quốc tế, tập trung làm rõ ba câu hỏi trọng tâm: (1) Những nhân tố nào ảnh hưởng đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại AĐD–TBD trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024? (2) Hợp tác này có đặc điểm gì và tác động như thế nào đến an ninh khu vực? (3) Trong nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Modi, xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ sẽ tiếp tục phát triển theo hướng nào?

2. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD trong giai đoạn 2007-2024, qua đó nhận xét và đưa ra một số kiến nghị cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

Thứ ba, phân tích thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh chủ chốt đa phương và song phương trong khu vực ADD-TBD.

Thứ tư, rút ra một số nhận xét, đánh giá tác động và xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ ở nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Modi

Thứ năm, đưa ra một số kiến nghị cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Về đối tượng nghiên cứu: Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

3.2. Về phạm vi nghiên cứu:

❖ *Ở phạm vi không gian:* Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Trong đó, hợp tác song phương tập trung vào sáu đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực, gồm Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga, Trung Quốc, Việt Nam và hợp tác đa phương của Ấn Độ với các đối tác như Quad, ASEAN và các khuôn khổ hợp tác khác (SCO, SAARC, BIMSTEC và IONS).

❖ *Ở phạm vi thời gian:* Từ năm 2007 đến năm 2024.

❖ *Ở phạm vi nội dung:* Luận án sẽ phân tích các hoạt động hợp tác quốc phòng bao gồm các chuyến thăm cấp nhà nước - cấp Bộ Quốc phòng; đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung; Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước.

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu khách quan và khoa học dựa trên các quan điểm lý thuyết trong quan hệ quốc tế của *chủ nghĩa Hiện thực*, *chủ nghĩa Tự do* và *chủ nghĩa Kiến tạo* để xây dựng khung phân tích nhằm làm rõ hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

Luận án sử dụng ba cách tiếp cận chính nhằm xây dựng nền tảng lý luận phù hợp với đặc điểm của đề tài: (1) cách tiếp cận ***các cấp độ phân tích*** trong quan hệ quốc tế để hạn chế các nhận định mang tính chất cảm tính, phiến diện khi xem xét hợp tác quốc phòng Ấn Độ, bao gồm cấp độ hệ thống (tập trung vào việc phân tích bối cảnh thế giới và khu vực), quốc gia và cá nhân; (2) cách tiếp cận ***thực chứng và so sánh*** để thu thập và phân tích các dữ liệu từ các văn kiện, báo cáo quốc phòng, tuyên bố chung và hoạt động hợp tác thực tế giữa Ấn Độ và các đối tác; (3) cách tiếp cận ***địa chiến lược*** để làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ và cách nước này định hình vị thế trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực gia tăng tại khu vực ADD-TBD.

Ngoài ra, luận án được thực hiện dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp cùng với các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tích chính sách, phương pháp phân tích diễn ngôn, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp nghiên cứu điển hình và phương pháp dự báo.

4. Đóng góp của luận án

Về khoa học: Luận án hoàn thiện khái niệm và khung phân tích về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, cung cấp bức tranh có hệ thống và tính khoa học về thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại ADD-TBD trong việc duy trì an ninh và hòa bình khu vực. Luận án sử dụng hệ thống phương pháp luận trong quan hệ quốc tế để đánh giá và hệ thống hóa hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt dưới góc nhìn quyền lực mềm. Đây cũng chính là điểm mới của Luận án nhằm lý giải vì sao hình ảnh của Ấn Độ trên lĩnh vực hợp tác quốc phòng trong dư luận quốc tế luôn được xem là thiện chí và tích cực.

Về thực tiễn: Luận án là một nguồn tư liệu tham khảo mang tính hệ thống hóa hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD từ 2007-2024, phân tích các yếu tố tác động, phương thức triển khai, thành công và hạn chế, đồng thời dự báo xu hướng hợp tác trong tương lai. Đây sẽ là tư liệu nghiên cứu cho những ai quan tâm đến Ấn Độ hoặc nghiên cứu về quan hệ song phương và đa phương của quốc gia này. Kết quả từ Luận án có thể được sử dụng để phục vụ cho công tác giảng dạy cho chuyên ngành Quan hệ quốc tế và nghiên cứu về hợp tác quốc phòng hoặc chính sách đối ngoại Ấn Độ.

5. Bố cục luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án và tài liệu tham khảo, luận án có 4 chương trọng tâm như sau:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương từ năm 2007 đến năm 2024.

Chương 3: Thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2007 đến năm 2024.

Chương 4: Nhận xét thực trạng và dự báo hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Ấn Độ.

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Trong phần lịch sử nghiên cứu vấn đề, luận án “*Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (2007-2024)*” thực hiện đánh giá các công trình nghiên cứu về lý luận hợp tác quốc phòng, những công trình liên quan đến thực tiễn hợp tác quốc phòng song phương, đa phương của Ấn Độ từ các học giả trong và ngoài nước kể từ năm 2007 đến nay. Từ việc phân tích các công trình điển hình này, luận án sẽ rút ra những mặt đóng góp chủ yếu, những điểm mạnh có thể kế thừa, đồng thời làm rõ những khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục phát triển

Nhóm công trình thứ nhất bao gồm các *nghiên cứu liên quan đến lý luận, thực tiễn hợp tác quốc phòng nói chung*. Nhóm công trình thứ hai bao gồm các *công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách đối ngoại và chính sách quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024*.

Cuối cùng, nhóm công trình thứ ba bao gồm các *công trình nghiên cứu thực tiễn hợp tác quốc phòng đa phương và song phương của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024*. Trong nhóm này, luận án đã phân tích các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ với từng quốc gia song phương như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga, Trung Quốc, Việt Nam và các đối tác đa phương như Quad, ASEAN.

1.2. Nhận xét chung và hướng phát triển đề tài

Nhìn chung, tất cả những bài viết, công trình ở trên đã cung cấp cách nhìn tổng quan về lý luận và thực tiễn triển khai các hoạt động hợp tác quốc phòng nói riêng giữa Ấn Độ và một số đối tác an ninh chủ chốt trong thời gian qua, là những nguồn thông tin tư liệu hết sức quý giá phục vụ cho công tác nghiên cứu về lĩnh vực này. Tuy nhiên, khi đặt các công trình vào trong một bối cảnh chung thì chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hoàn chỉnh và đầy đủ về “*Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (2007 - 2024)*”.

Để giải quyết những vấn đề đã được đề cập, luận án sẽ tập trung vào việc điền vào những khoảng trống trong nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ thông qua các nội dung chính như sau:

Thứ nhất, luận án sẽ hình thành khái niệm và khung phân tích về “hợp tác quốc phòng” theo cách tiếp cận của Ấn Độ dựa trên ba chủ nghĩa là hiện thực, tự do và kiến tạo.

Thứ hai, luận án sẽ làm rõ các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024. Giai đoạn này là thời kỳ quan trọng đánh dấu những thay đổi đáng kể trong các chính sách, định

hướng và hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt là trong bối cảnh các mối quan hệ quốc tế có nhiều biến động phức tạp.

Thứ ba, luận án sẽ tiến hành phân tích thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác song phương chủ chốt và đa phương (bao gồm cả SCO, SAARC, BIMSTEC và IONS) trong khu vực ADD-TBD, làm cơ sở nhận xét đặc điểm hợp tác quốc phòng hiện nay của Ấn Độ như thế nào.

Thứ tư, từ thực trạng triển khai, luận án sẽ nhận xét và đánh giá tác động, dự báo xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD trong nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Narendra Modi. Ngoài ra, luận án cũng sẽ đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam, giúp tận dụng cơ hội và tăng cường hợp tác quốc phòng với Ấn Độ trong bối cảnh khu vực.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TẠI ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2024

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khung khái niệm về hợp tác và hợp tác quốc phòng

Hợp tác quốc phòng được xem là sự tương tác hòa bình giữa các quốc gia để bảo đảm hòa bình, ổn định và phát triển bền vững cho quốc gia cũng như giải quyết các mối quan ngại an ninh chung. Theo góc nhìn của Ấn Độ, hợp tác quốc phòng là sự kết hợp lực lượng quốc phòng của các chủ thể quan hệ quốc tế trong đó các lực lượng vũ trang phối hợp với nhau để giải quyết các mối quan ngại chung và đảm bảo an ninh - quốc phòng của các bên. Vì vậy, hợp tác quốc phòng trở thành là một trụ cột quan trọng trong quan hệ ngoại giao của Ấn Độ với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực nhằm đảm bảo sự ổn định, hòa bình và xây dựng trật tự an ninh khu vực dựa trên luật lệ.

Các hoạt động hợp tác quốc phòng rất đa dạng, tuy nhiên, cơ bản nhất thì hợp tác quốc phòng thường diễn ra trên hai hình thức song phương và đa phương, với các hoạt động điển hình như: duy trì các cuộc tiếp xúc song phương và đa phương giữa các đại diện dân sự và quân sự cao nhất của các bộ quốc phòng ở mức độ cao; bổ nhiệm tùy viên quốc phòng ở nước ngoài; ký kết các hiệp định hợp tác quốc phòng song phương; thực hiện các cuộc tập trận quân sự song phương hoặc đa phương nhằm mục đích huấn luyện; huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo quân sự và hỗ trợ cho lực lượng vũ trang của các nước khác; và cung cấp trang thiết bị, vũ khí, vật tư quân sự và chuyển giao công nghệ quốc phòng khác.

2.1.2. Hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế

Lý thuyết cân bằng quyền lực của chủ nghĩa hiện thực được sử dụng để chứng minh những hành động của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD. Ấn Độ buộc phải cân bằng quyền lực trước sức ép “trôi dạt” của Trung Quốc đang gia tăng. Nếu không vai trò và sức ảnh hưởng của Ấn Độ sẽ bị thu hẹp và “co cụm” lại trong khu vực Nam Á. Do đó, thông qua lăng kính của cân bằng quyền lực, Ấn Độ sẽ tăng cường hợp tác quốc phòng kết hợp giữa sự cạnh tranh và hợp tác để cân bằng quyền lực và đảm bảo lợi ích quốc gia của cả hai bên.

Bên cạnh đó, dưới góc nhìn của chủ nghĩa tự do, không thể phủ nhận hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn của quyền lực mềm có thể tạo ra sức ảnh hưởng lớn hơn sự ép buộc của quyền lực cứng. Khi các quốc gia tham gia tập trận chung, hợp tác về công nghệ quốc phòng, họ thể hiện sự sẵn sàng hợp tác hướng tới các mục tiêu an ninh chung, cho phép các quốc gia điều chỉnh lợi ích của mình, củng cố vị thế chung của họ trong cộng đồng quốc tế.

Cuối cùng, Khi xét đến yếu tố bản sắc quốc gia của Ấn Độ, tư tưởng “*bất bạo động*” và chính sách “*không liên kết*” là hai yếu tố phi vật chất quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, dù chúng không tồn tại ở dạng tuyệt đối mà có sự điều chỉnh linh hoạt theo bối cảnh. Ngày nay, chính sách này đã phát triển thành cách tiếp cận “*đa liên kết*”, trong đó Ấn Độ mở rộng hợp tác với nhiều quốc gia nhưng vẫn bảo vệ lợi ích chiến lược của mình mà không tham gia vào các liên minh quân sự chính thức. Bằng cách thể hiện mình là một chủ thể không đe dọa, Ấn Độ sẽ xây dựng lòng tin và sự tín nhiệm, vốn rất quan trọng để thúc đẩy hợp tác quốc phòng sâu sắc hơn và hình thành các liên minh ở khu vực.

2.1.3. Khung phân tích

Từ khung khái niệm và lý luận của đề tài, khung phân tích hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực ADD-TBD có thể được hình thành thông qua 4 yếu tố sau đây:

Thứ nhất, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ chịu sự chi phối của ba nhóm nhân tố chính: hệ thống, quốc gia và cá nhân, trong đó các yếu tố này không chỉ tác động trực tiếp đến hợp tác quốc phòng mà còn có sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau

Thứ hai, Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng theo cả hai hình thức song phương và đa phương với các đối tác quan trọng trong khu vực ADD-TBD nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình. Về song phương, Ấn Độ duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Trung Quốc và Việt Nam - những quốc gia có ảnh hưởng lớn đến môi trường an

ninh khu vực và lợi ích chiến lược của Ấn Độ tại khu vực. Về đa phương, Ấn Độ tham gia vào các cơ chế như Quad, ASEAN, cùng các tổ chức khu vực khác như BIMSTEC, SAARC, IORA và SCO.

Thứ ba, trên phương diện song phương, hợp tác quốc phòng được tập trung làm rõ trên ba trụ cột chính: *Thứ nhất*, mức độ các cuộc gặp và giao lưu cấp nhà nước hoặc giữa các tham mưu trưởng quân đội và các Bộ trưởng Quốc phòng của các nước. *Thứ hai*, hợp tác trong lĩnh vực huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung. Điều này không chỉ nâng cao khả năng tương tác của các lực lượng vũ trang mà còn thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và phát triển kỹ năng giữa các quân nhân. *Thứ ba*, liên quan đến việc mua bán vũ khí, chuyển giao công nghệ cho ngành công nghệ sản xuất vũ khí giữa hai nước. Trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng đa phương, cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương; các hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và thương mại vũ khí nói chung là hai lĩnh vực chính để triển khai hoạt động nhằm tránh sự trùng lặp trong các hợp tác song phương giữa Ấn Độ với các thành viên trong các khuôn khổ tiểu đa phương hay đa phương

Thứ tư, mục tiêu cốt lõi của hợp tác quốc phòng Ấn Độ là nâng cao năng lực quốc phòng, cân bằng chiến lược trong khu vực, và sử dụng ADD-TBD để thúc đẩy lợi ích chiến lược. Thông qua hợp tác quốc phòng, Ấn Độ đối trọng với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời ngăn chặn các mối đe dọa tiềm tàng đối với an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, Ấn Độ tận dụng quan hệ với các đối tác an ninh lớn nhằm nâng cao năng lực quốc phòng trong nước, nâng cao vị thế, dần trở thành một đối tác an ninh tin cậy và nhà cung cấp an ninh trong khu vực ADD-TBD.

2.2. Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

2.2.1. Cấp độ hệ thống

Ở cấp độ hệ thống, *thứ nhất*, khu vực ADD-TBD đang hình thành xu hướng đa cực, trong đó tình hình an ninh chung của khu vực, dù trật tự hay hỗn loạn, sẽ bị tác động bởi lợi ích chiến lược của các nước lớn có liên quan, chứ không phụ thuộc vào quyết định của một hoặc hai nước lớn như Mỹ hay Trung Quốc. Đây cũng được xem là cơ hội để Ấn Độ triển khai và thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc phòng của mình. *Thứ hai*, xu hướng khu vực hóa và chuyển dịch dần dần về phía Đông. *Thứ ba*, sự thay đổi chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Australia hay các nước phương Tây cũng khiến Ấn Độ phải tự mình giải quyết các thách thức đa lĩnh vực ở Nam Á và vùng biển ADD. *Thứ tư*, ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc trong khu vực đã trở thành một mối quan ngại lớn cho Ấn Độ, vốn xem xét sự cạnh tranh địa chiến lược này từ góc

độ an ninh quốc gia và ổn định khu vực. *Thứ năm*, ASEAN đã trở thành nhân tố trung tâm định hình cấu trúc an ninh khu vực ADD-TBD và ưu tiên trong chiến lược của các cường quốc trên thế giới. *Thứ sáu*, xung đột dai dẳng với Pakistan đã tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực.

2.2.2. Cấp độ quốc gia

Ở cấp độ quốc gia, các yếu tố như sức mạnh tổng hợp, sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng, chính trị nội bộ, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu đã thúc đẩy Ấn Độ điều chỉnh các chính sách hợp tác quốc phòng. Điều này nhằm đối phó với các mối đe dọa an ninh từ bên ngoài và đạt được mục tiêu nâng cao vị thế quốc gia, cũng như tăng cường ảnh hưởng ở cả khu vực và toàn cầu.

2.2.3. Cấp độ cá nhân

Ở cấp độ cá nhân, từ năm 2007 - 2024, vai trò cá nhân hai Thủ tướng Manmohan Singh và Narendra Modi bao gồm xuất thân, tính cách và sự nghiệp chính chính là các nhân tố nội sinh để tác động đến sự thay đổi các chính sách an ninh - quốc phòng của Ấn Độ, nhằm đảm bảo vệ lợi ích quốc gia và giảm thiểu các mối đe dọa an ninh từ các quốc gia khác.

Chương 3. THỰC TRẠNG HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TẠI ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM .

3.1. Hợp tác quốc phòng song phương của Ấn Độ

3.1.1. Với Mỹ

Từ 2007 đến 2024, Ấn Độ và Mỹ đã duy trì 58 chuyến thăm cấp cao, trong đó Ấn Độ sang Mỹ 27 lượt, Mỹ sang Ấn Độ 31 lượt, nhằm xây dựng lòng tin chiến lược và thúc đẩy hợp tác quốc phòng. Năm 2016, Ấn Độ chính thức trở thành “*Đối tác quốc phòng chính*”, đây được xem là “*đối tác liên minh thân cận nhất*” của Hoa Kỳ khi được tiếp cận các công nghệ quốc phòng tiên tiến. Ngoài ra, “*Đối thoại 2+2 giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng*” được khởi xướng vào năm 2018 (tính đến 2024 đã tổ chức được 6 lần: 2018, 2019, 2020, 2022, 2023, 2024), đã trở thành một diễn đàn then chốt để cả hai quốc gia thảo luận và thúc đẩy các lợi ích quốc phòng và chiến lược. Cùng với các thỏa thuận và đối thoại này đã làm thay đổi đáng kể quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Hoa Kỳ, khiến hai nước không chỉ trở thành đối tác quan trọng mà còn thể hiện vai trò chủ đạo trong việc thiết lập trật tự an ninh khu vực.

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, kể từ năm 2007, Ấn Độ và Mỹ đã tăng cường đáng kể hợp tác quân sự

song phương thông qua nhiều cuộc tập trận khác nhau. Các cuộc tập trận này trải rộng trên ba lực lượng: lục quân, hải quân, không quân. Các cuộc tập trận đáng chú ý bao gồm *Yudh Abhyas*, tập trung vào quân đội; *Vajra Prahar*, tập trung huấn luyện lực lượng đặc biệt; *Cope India*, tập trung vào lực lượng không quân; và *Tiger Triumph*, cuộc tập trận ba lực lượng vũ trang đầu tiên nhằm mục đích nhân đạo và cứu trợ thiên tai.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, từ năm 2000 đến năm 2022, số lượng và loại vũ khí mà Ấn Độ đã nhập khẩu từ Mỹ trong suốt hơn hai thập kỷ qua đã làm nổi bật sự gia tăng đáng kể trong mua sắm quốc phòng của Ấn Độ từ Mỹ và phản ánh tính chất chiến lược trong quan hệ quốc phòng giữa hai quốc gia.

3.1.2. Với Nga

Trong lĩnh vực các chuyến thăm cấp Nhà nước - cấp Bộ Quốc phòng, từ năm 2007 đến 2024, hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Nga tiếp tục phát triển mạnh mẽ thông qua các chuyến thăm và tiếp xúc cấp Nhà nước, Ấn Độ chủ động tiếp cận Nga nhiều hơn với 32 lượt từ Ấn Độ, 23 lượt từ Nga. Điều này giúp Ấn Độ tạo ra thế cân bằng quyền lực trước Trung Quốc và các mối đe dọa từ Pakistan. Nga cũng xem Ấn Độ là một phần trong chiến lược cân bằng quyền lực tại châu Á.

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, hơn 10.000 sĩ quan Ấn Độ đã được đào tạo, huấn luyện ở Liên Xô và Nga. Con số này chỉ tính riêng đến năm 2004, nếu tính đến hiện tại, con số này không thể tăng dưới 10 lần, số lượng đáng kể này phản ánh sự hợp tác quân sự sâu rộng giữa Ấn Độ và Nga (*trước đây là Liên Xô*) trong nhiều thập kỷ. Trong lĩnh vực tập trận chung, INDRA, Indra Tri-Service được tổ chức định kỳ để duy trì hợp tác giữa hai quốc gia.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, khoảng 70% đến 85% thiết bị quân sự của Ấn Độ có nguồn gốc từ Nga. Sự hỗ trợ của Nga trong việc hiện đại hóa các thiết bị quốc phòng hiện có của Ấn Độ đảm bảo rằng quân đội Ấn Độ vẫn được trang bị công nghệ hiện đại. Việc tiếp cận các loại vũ khí và thiết bị mới nhất từ kho vũ khí của Nga sẽ giúp tăng cường hơn nữa khả năng sẵn sàng phòng thủ của Ấn Độ.

3.1.3. Với Nhật Bản

Từ năm 2007 đến 2024, Ấn Độ và Nhật Bản đã duy trì các cuộc tiếp xúc chính thức cấp nhà nước và bộ trưởng quốc phòng, nhằm tăng cường quan hệ trong từng giai đoạn. Trong suốt 17 năm qua, Ấn Độ đã có 27 chuyến thăm Nhật Bản và Nhật Bản đã thực hiện 34 chuyến thăm đến Ấn Độ,

cho thấy Nhật Bản chủ động tiếp cận và thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với Ấn Độ, phản ánh lợi ích chiến lược dài hạn của Nhật Bản trong khu vực

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, Ấn Độ và Nhật Bản đã triển khai thông qua cam kết của Nhật Bản trong việc đào tạo 30.000 quân nhân Ấn Độ trong 10 năm tới. Trong hoạt động tập trận chung, kể từ năm 2008, hợp tác quốc phòng giữa hai nước ngày càng thắt chặt, điển hình JIMEX, Dharma Guardian, Sahyog-Kaijin, Shinyuu Maitri, Malabar.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, do các hợp đồng mua bán khí tài quốc phòng không thể thực hiện, hai nước đã chuyển sang thúc đẩy hợp tác nghiên cứu công nghệ quốc phòng thông qua các thỏa thuận và sáng kiến khác nhau. “*Thỏa thuận liên quan đến Chuyển giao Thiết bị và Công nghệ Quốc phòng*”, có hiệu lực từ tháng 3 năm 2016, là nền tảng để triển khai hoạt động này.

3.1.4. Với Australia

Trong lĩnh vực các chuyến thăm cấp Nhà nước - cấp Bộ Quốc phòng, từ năm 2007 đến 2024, Australia đã thực hiện 32 chuyến thăm tới Ấn Độ, trong khi Ấn Độ đã thực hiện 20 chuyến thăm tới Australia hai bên vẫn xúc tiến đều đặn các cuộc gặp để thúc đẩy hợp tác quốc phòng. Chuyến thăm của Thủ tướng Rudd tới Ấn Độ vào tháng 11 năm 2009 được coi là một bước tiến đột phá khi giải quyết những lo ngại chung và nhất trí “*Tuyên bố chung về Hợp tác An ninh*”, tiến tới nâng cấp “*Quan hệ đối tác chiến lược*” để tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Australia chủ động tăng cường hợp tác quốc phòng với Ấn Độ qua tần suất các chuyến thăm, điều này phù hợp với “*Cập nhật Chiến lược Quốc phòng năm 2020*” của Australia, trong đó AĐĐ là trung tâm chiến lược an ninh và Ấn Độ được coi là “*cường quốc khu vực*”

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, những thỏa thuận mà hai bên đã ký kết trong các chuyến thăm đã mở đường cho việc tăng cường hợp tác và đối thoại quân sự giữa ba quân chủng. Ở khía cạnh tập trận chung, theo thống kê của Chính phủ Australia, số cuộc tập trận và hoạt động quốc phòng đã tăng từ 11 cuộc tập trận, cuộc họp và hoạt động trong năm 2014 lên 29 cuộc vào năm 2017 và 38 cuộc vào năm 2018, bao gồm có các cuộc tập trận như: AUSINDEX, PASSEX, KAKADU.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, tính đến cuối năm 2024, Australia và Ấn Độ chưa thực hiện mua bán thiết bị quân sự với nhau, mà chủ yếu tập trung vào hợp tác nghiên cứu, chuyển giao và phát triển trong lĩnh vực quốc phòng.

3.1.5. Với Trung Quốc

Trong giai đoạn từ năm 2007 đến 2024, mối quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã trải qua nhiều giai đoạn phức tạp, vừa hợp tác vừa đề phòng, phản ánh một mối quan hệ đa chiều và cân nhắc. Các cuộc viếng thăm cấp nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng tuy đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và điều chỉnh chính sách đối ngoại và quốc phòng của hai nước nhưng cũng thể hiện sự hợp tác đầy thận trọng và cân nhắc, trong đó có 20 lượt chuyến thăm từ Ấn Độ sang Trung Quốc và chiều ngược lại là 16 lượt. Điều này cho thấy Ấn Độ chủ động thăm Trung Quốc để tìm kiếm lập trường cân bằng trong quan hệ, nhất là trong bối cảnh tranh chấp biên giới, cạnh tranh chiến lược và mối lo ngại về an ninh. Những chuyến thăm này giúp Ấn Độ hiểu rõ hơn về quân sự và chính sách quốc phòng của Trung Quốc, hỗ trợ xây dựng chiến lược an ninh của mình và thể hiện quyết tâm giảm căng thẳng, đặc biệt ở khu vực biên giới dưới lăng kính quyền lực mềm.

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, số lượng sĩ quan quân đội Trung Quốc được đào tạo tại Ấn Độ hoặc ngược lại rất ít, chủ yếu duy trì ở mức cơ bản mà không có sự gia tăng nào đáng kể. Mặc dù Trung Quốc đã mở rộng các cơ hội đào tạo cho quân nhân Ấn Độ tại các học viện của mình, nhưng mức độ hợp tác này chỉ duy trì ở mức tối thiểu và không có sự thay đổi đáng kể về số lượng. Cuộc tập trận chung “*Hand-in-Hand*” giữa Ấn Độ và Trung Quốc là hoạt động hợp tác diễn ra với tần suất gần như hàng năm từ năm 2007, nhưng từ 2017 đến nay đang bị tạm hoãn vì xung đột và đại dịch COVID.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, Ấn Độ đã nhập khẩu vũ khí, đạn dược, linh kiện và phụ kiện từ Trung Quốc với tổng trị giá 478,04 nghìn USD. Điều này cho thấy, mặc dù có những rào cản chính trị và an ninh, nhưng trong một số trường hợp cụ thể, vẫn có sự trao đổi hạn chế về mặt hàng quốc phòng giữa hai quốc gia, chính yếu là từ Ấn Độ.

3.1.6. Với Việt Nam

Trong lĩnh vực các chuyến thăm cấp Nhà nước - cấp Bộ Quốc phòng, trong giai đoạn từ năm 2007 đến trước 2024, Ấn Độ và Việt Nam đã duy trì một mối quan hệ quốc phòng chặt chẽ với 23 lượt thăm Việt Nam từ Ấn Độ và 22 lượt thăm ngược lại. Tần suất thăm viếng tương đương chứng tỏ sự chủ động và tích cực của cả hai bên trong hợp tác quốc phòng. Năm 2024 nhân chuyến thăm của Thủ tướng Phạm Minh Chính sang Ấn Độ, tại buổi đối thoại, hai nước đã ký “*Ý định thư về hợp tác đào tạo quốc phòng*” và tiếp tục triển khai sâu rộng các hoạt động hợp tác quốc phòng giữa hai bên

Trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, Ấn Độ thường xuyên cấp học bổng, hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho lực lượng vũ trang của Việt Nam dưới nhiều hình thức. Trong lĩnh vực tập trận chung, hai quốc gia cũng cùng nhau tổ chức Diễn tập Lục quân song phương Việt Nam-Ấn Độ “Ex VINBAX”. Tính đến hết năm 2024, đã có 5 lần diễn tập theo hình thức sa bàn năm 2018, 2019, 2022, 2023 và năm 2024.

Trong lĩnh vực hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước, Việt Nam và Ấn Độ hiện vẫn đang bàn thảo trong chương trình nghị sự thương mại quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ trước mối lo ngại ngày càng tăng từ Trung Quốc nhưng vẫn chưa thành hiện thực. Tuy nhiên, Ấn Độ đã hỗ trợ Việt Nam nâng cấp hơn 100 chiếc máy bay MiG-21 và 5 tàu ngầm Petya cùng với các gói tín dụng dành cho quốc phòng Việt Nam.

3.2. Hợp tác quốc phòng đa phương

3.2.1. Quad

Từ năm 2017 đến nay, Quad đã tổ chức nhiều cuộc họp thượng đỉnh để cùng nhau giải quyết các vấn đề an ninh chung của khu vực, trong đó có cả việc kìm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc trong các khu vực mà Quad đang cùng nhau duy trì sự ổn định và trật tự dựa trên luật lệ. Trong khuôn khổ Quad không chỉ tồn tại các cuộc họp bốn bên mà còn diễn ra các cuộc đối thoại ba bên. Điển hình là Đối thoại ba bên Australia -Ấn Độ-Nhật Bản, nơi tập trung vào các vấn đề an ninh khu vực; Đối thoại chiến lược ba bên Australia -Nhật-Mỹ, nhằm củng cố hợp tác an ninh trong bối cảnh thách thức tại AĐD-TBD; và Đối thoại chiến lược ba bên Ấn Độ-Nhật-Mỹ, thúc đẩy sự phối hợp chính sách và hợp tác chiến lược.

Cuộc tập trận Malabar là hoạt động đào tạo và diễn tập quân sự hàng hải quan trọng, ban đầu là tập trận song phương giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ, sau đó có sự tham gia của Nhật Bản vào năm 2014 và Australia vào năm 2020.

Trong năm 2007, cuộc tập trận Malabar CY-07/1, lần đầu tiên đã mời Nhật Bản và tiến hành một cuộc tập trận quân sự chung ở Tây Thái Bình Dương, thì vào 9/2007, một cuộc tập trận khác Malabar CY-07/2, đã mở rộng sự tham gia của mình bằng cách bao gồm cả Nhật Bản, Australia và Singapore tại Visakhapatnam thuộc bờ biển phía Đông của Ấn Độ (Panda Jagannathm, 2020), và do đó, năm 2007 được xem lần đầu tiên đã tập hợp các quốc gia thành viên Quad lại với nhau về mặt quốc phòng. Kể từ khi Nhật Bản tham gia vào tập trận trong khối Quad một cách chính thức, đến nay, Quad đã tổ chức thành công 10 lần tập trận.

Các nhà nghiên cứu đều chỉ ra rằng Quad có xu hướng tập trung vào các cuộc tập trận quân sự chung và bỏ qua việc buôn bán vũ khí. Nhưng việc

bán vũ khí có thể là một chỉ số hữu ích cho mức độ tin cậy chiến lược giữa các quốc gia. Từ năm 2005 đến 2015, hoạt động mua bán vũ khí đã làm nổi bật các mức độ hội nhập khác nhau trong khuôn khổ Quad. Đáng chú ý, bốn trong số mười quốc gia mua vũ khí lớn nhất của Mỹ là các đồng minh của Mỹ, điều này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa hợp tác quốc phòng và việc bán vũ khí. Những thương vụ này rất quan trọng vì chúng phản ánh sự tin tưởng và khả năng tương tác giữa các quân đội. Mặc dù Ấn Độ không phải là quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn từ Mỹ, nhưng sự hợp tác quốc phòng với Mỹ đang gia tăng, trái ngược với các quốc gia như Australia và Nhật Bản, nơi Mỹ là nhà cung cấp vũ khí chủ yếu. Sự khác biệt này đưa ra một lựa chọn chiến lược cho các nhà hoạch định chính sách Mỹ, đặc biệt khi xem xét tác động tiềm tàng trong việc chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc ở châu Á. Việc chuyển từ Nga sang Mỹ với tư cách là nhà cung cấp vũ khí chính của Ấn Độ có thể tượng trưng cho sự hợp tác Mỹ - Ấn Độ sâu sắc hơn và mang lại lợi ích cho ngành công nghiệp quốc phòng Mỹ.

3.2.2. ASEAN

Ấn Độ đã và đang tích cực thúc đẩy sự tham gia của các quốc gia ASEAN thông qua hợp tác đa phương và song phương. Khởi xướng từ năm 1992, Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ đã phát triển vững chắc, đưa nước này từ đối tác đối thoại trở thành đối tác chiến lược toàn diện của ASEAN. Vào năm 2014, Ấn Độ đã chuyển hướng từ “*Chính sách Hướng Đông*” sang “*Hành động Hướng Đông*”, khẳng định cam kết mạnh mẽ hơn trong việc mở rộng các hợp tác quốc phòng để duy trì và đảm bảo an ninh trong khu vực.

Kể từ năm 2007, số lần tàu hải quân Ấn Độ thăm các quốc gia ASEAN đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể, phản ánh cam kết mạnh mẽ của Ấn Độ trong việc duy trì hợp tác quốc phòng và xây dựng lòng tin, tăng cường hợp tác an ninh và khẳng định vị thế của Ấn Độ như một lực lượng quan trọng trong việc duy trì an ninh khu vực. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã tích cực tham gia các cuộc tập trận quân sự với nhiều nước khác nhau, bao gồm cả các nước thành viên ASEAN, để cân bằng lợi ích chiến lược của mình trong khu vực.

Hoạt động viện trợ quân sự và mua bán trang thiết bị quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN phản ánh sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, từ việc tập trung vào các mối quan hệ truyền thống đến việc mở rộng quan hệ đối tác chiến lược. Sự chủ động của Ấn Độ trong việc xây dựng ảnh hưởng và mở rộng quan hệ không chỉ thúc đẩy các cơ hội thương mại và quốc phòng, mà còn giúp tăng cường vị thế cạnh tranh của Ấn Độ so với Trung Quốc trong khu vực. Các thỏa thuận hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ

và các quốc gia ASEAN, như Singapore, Indonesia, Malaysia, Việt Nam, Philippines và Thái Lan, đã tạo ra một môi trường hợp tác lợi ích song phương, qua đó củng cố an ninh khu vực và tăng cường sức ảnh hưởng cũng như uy tín của Ấn Độ tại Đông Nam Á.

3.2.3. Trong các khuôn khổ khác

Thực tế, Ấn Độ mở rộng hợp tác quốc phòng quốc tế không chỉ với ASEAN và Quad mà còn với các tổ chức như SCO, SAARC, IORA và BIMSTEC. Những nỗ lực này thúc đẩy tăng cường an ninh hàng hải và đảm bảo an toàn thương mại trên các tuyến đường biển quan trọng. Trong các khuôn khổ này, Ấn Độ mong muốn thúc đẩy sự hợp tác để giải quyết các thách thức phi truyền thống trong khu vực Vịnh Bengal và toàn khu vực AĐD-TBD, bảo vệ hiệu quả an ninh hải quân và lợi ích thương mại của mình.

Ấn Độ đã phân bổ một số lượng đáng kể suất học theo chương trình ITEC của mình cho các quốc gia BIMSTEC và SAARC, với 1440 suất dành cho đào tạo dân sự, 274 suất dành cho đào tạo quốc phòng và 18 suất dành cho các tổ chức uy tín như Trường Cao đẳng Quốc phòng Quốc gia và Trường Cao đẳng Tham mưu Dịch vụ Quốc phòng. Đối với các quốc gia thuộc IORA, Ấn Độ đóng vai trò then chốt trong việc khôi phục năng lực nghiên cứu và học thuật trong các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng và an ninh khu vực. Ngoài những nỗ lực về mặt học thuật, cam kết tài chính của Ấn Độ đối với các sáng kiến của IORA càng củng cố thêm vai trò của nước này với tư cách là nước dẫn đầu về đào tạo và hỗ trợ quốc phòng trong khu vực.

Ấn Độ, ngoài việc tham gia các tập trận chung với các quốc gia thành viên của BIMSTEC và SAARC, còn tích cực thực hiện nhiều cuộc tập trận song phương với các quốc gia trong khu vực. Theo số liệu thống kê từ Bộ Quốc phòng Ấn Độ, năm 2023 đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử quân sự của Ấn Độ, bao gồm việc tổ chức tập trận lục quân “Sampriti” lần thứ 11 với Bangladesh, “Mitra Shakti” lần thứ 9 và tập trận hải quân “SLINEX” lần thứ 10 với Sri Lanka. Ngoài ra, tập trận hải quân “IN-BN CORPAT” lần thứ 4 cũng được thực hiện với Bangladesh. Trong năm 2019, Ấn Độ và Myanmar đã cùng tham gia “IMBEX” lần thứ 2 và tập trận hải quân “IMCOR” lần thứ 8. Trong cùng năm, tập trận quân đội “Maitree” lần thứ 8 đã được tiến hành với Thái Lan, và tập trận không quân “Siam Bharat” lần thứ 3 diễn ra vào năm 2018. Đặc biệt, “Surya Kiran”, cuộc tập trận quân sự lần thứ 17 với Nepal, đã được tổ chức vào tháng 2 năm 2023. Đối với các thành viên SCO, Ấn Độ cũng tích cực thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc phòng với toàn khối và song phương với từng thành viên (dành cho mục tiêu lợi ích quốc gia của Ấn Độ).

Trong hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng, Ấn Độ đã thực hiện các bước quan trọng để tăng cường năng lực hải quân của các nước láng giềng thông qua hình thức chuyển giao các thiết bị quốc phòng quan trọng.

Chương 4. NHẬN XÉT THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TRONG NHIỆM KỲ 3 CỦA THỦ TƯỚNG ẤN ĐỘ

4.1. Nhận xét hợp tác quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024

4.1.1. Đặc điểm về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn 2007-2024 đã chuyển hướng từ “*không liên kết*” truyền thống sang hướng “*đa liên kết*”, với sự phân cấp rõ ràng giữa các đối tác.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hợp tác quốc phòng song phương và đa phương của Ấn Độ trong chương 3, kết hợp với tiêu chí đánh giá mức độ triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD, luận án đưa ra nhận xét về mức độ hợp tác quốc phòng của quốc gia này như sau:

Ấn Độ duy trì các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng nhằm tạo dựng lòng tin và thúc đẩy ký kết các thỏa thuận quốc phòng, qua đó triển khai hợp tác thực tế, đặc biệt với các đối tác chiến lược như Mỹ và Nhật Bản. Điều này không chỉ củng cố mối quan hệ song phương mà còn đảm bảo sự ổn định trong hợp tác quốc phòng lâu dài. Mức độ trung bình bao gồm có Nga, Australia và Việt Nam, tần suất chuyến thăm cũng có nhiều năm chưa liên tục và xuyên suốt, trong đó Ấn Độ chủ động tổ chức các chuyến thăm đến Nga và Việt Nam, còn Australia là quốc gia chủ động tiếp cận với Ấn Độ. Với Trung Quốc thì Ấn Độ duy trì ở mức thấp, dù để hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề tranh chấp, xung đột hơn là hợp tác sâu rộng như các quốc gia còn lại. Sau khi kết thúc các chuyến thăm thì không phải năm nào Ấn Độ cũng ký kết các biên bản, hiệp định hay thỏa thuận liên quan đến quốc phòng, nhưng việc điều đặn ký kết theo từng giai đoạn và có tính liên tục gia hạn thể hiện mức độ cao trong hợp tác của Ấn Độ đối với các đối tác an ninh, trừ Trung Quốc. Trong lĩnh vực hợp tác đa phương, Ấn Độ duy trì cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh ở mức độ cao với Quad, ASEAN. Đối với các tổ chức đa phương khác như SAARC, BIMSTEC, IORA, SCO đều thuộc khu vực AĐD-TBD, mặc dù quốc phòng không phải là trọng tâm chính, nhưng khi thúc đẩy hợp tác, Ấn Độ luôn tập trung vào các vấn đề liên quan đến an ninh. Qua đó, Ấn Độ xây dựng lòng tin và sự tin cậy với các nước thành viên, tạo ra cơ hội để phát triển hợp tác song phương với những quốc gia quan trọng đối với an ninh của mình.

Trên lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, Ấn Độ duy trì một mức độ tập trận chung ở mức trung bình với Mỹ, Nga, Nhật Bản, và Australia. Tần suất các cuộc tập trận với các quốc gia này không diễn ra liên tục hàng năm và không phải tất cả các cuộc tập trận đều có sự tham gia đầy đủ của cả ba lực lượng. Đối với Trung Quốc và Việt Nam, mức độ tập trận chung chỉ duy trì ở mức thấp.

Trong lĩnh vực đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng, mặc dù Ấn Độ chủ động hợp tác với các nước lớn như Mỹ, Nga, Nhật Bản để tiếp cận công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực tác chiến, nhưng Ấn Độ cũng tích cực đào tạo các quốc gia có tiềm lực quốc phòng hạn chế hơn như Việt Nam và các thành viên của BIMSTEC, SAARC, IORA. Thông qua các thỏa thuận, Ấn Độ chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực quốc phòng của mình đối với các đối tác an ninh trên phương diện mềm, không tạo ra sự đe dọa hay ngò vực cho bất kỳ quốc gia nào.

Ấn Độ duy trì hoạt động tập trận với Quad ở mức trung bình, tuy nhiên, với ASEAN, Ấn Độ duy trì mối quan hệ tập trận cao, đặc biệt với Indonesia và Thái Lan, bao gồm cả ba lực lượng quân sự. Với các tổ chức như SAARC, SCO, BIMSTEC, và IORA, hợp tác chủ yếu ở mức thấp để thể hiện vai trò hỗ trợ an ninh. Trong lĩnh vực đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng, Ấn Độ duy trì mức độ hợp tác ở mức trung bình với các quốc gia đối tác. Việc duy trì mức độ hợp tác trung bình cho phép Ấn Độ khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong việc xây dựng năng lực quốc phòng cho các quốc gia láng giềng, góp phần vào sự ổn định khu vực mà không cần phải cạnh tranh quá mạnh mẽ với các cường quốc quân sự khác.

Trong lĩnh vực mua bán vũ khí, Ấn Độ chủ yếu tiếp cận cao với Mỹ và Nga để mua các hệ thống vũ khí tầm xa nhằm nâng cao năng lực quốc phòng quốc gia và thúc đẩy hợp tác sản xuất, hướng đến tự chủ trong ngành công nghiệp quốc phòng thông qua chuyển giao công nghệ. Trong khi đó, hợp tác với Australia và Nhật Bản mới chỉ ở giai đoạn đầu và chủ yếu đang triển khai hợp tác chuyển giao công nghệ, chưa có giao dịch đáng kể với Việt Nam và duy trì mức nhập khẩu thấp với Trung Quốc. Trong hợp tác đa phương thì mua bán vũ khí không phải là lĩnh vực trọng tâm, Ấn Độ chủ yếu xúc tiến việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu với các thành viên theo cơ chế song phương, và tùy thuộc vào sự ưu tiên của Ấn Độ mà mức độ có thể trải dài từ thấp đến cao hoặc chỉ dừng lại ở việc “*cung cấp hỗ trợ an ninh*” cơ bản để thể hiện sự ảnh hưởng và vị thế của quốc gia trong khu vực.

Đặc điểm hợp tác mà Ấn Độ đang thực hiện có sự nhất quán là không đòi hỏi một hiệp ước phòng thủ chung và không có nghĩa vụ phải hành

động, nhưng phải đạt được ít nhất từ một đến ba mục tiêu mà Ấn Độ mong muốn dù là đối tác nào: *Thứ nhất*, hợp tác quốc phòng phải giúp các quốc gia tham gia chia sẻ thông tin, dù là đánh giá chiến lược, nhận thức về lĩnh vực hay thông tin tình báo. *Thứ hai*, giúp Ấn Độ và các nước liên quan nâng cao năng lực quốc phòng của nhau thông qua đào tạo - huấn luyện để, thúc đẩy thương mại quốc phòng nhằm giúp Ấn Độ tiến đến việc phát triển ngành công nghiệp quốc phòng nội địa lẫn năng lực giải quyết tốt các vấn đề an ninh trong nước. *Thứ ba*, việc triển khai cần được thực hiện sao cho không nhắm đến bất kỳ quốc gia cụ thể nào, nhằm tránh gây ra các xung đột lớn. Điều này có nghĩa, dù hai bên đối mặt với mối đe dọa chung, nhưng trong quá trình hợp tác, không chỉ bảo vệ lợi ích chung mà còn duy trì an ninh khu vực, tránh tạo ra những xung đột hoặc nghi ngờ lẫn nhau.

4.1.2. Kết quả đạt được về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Thứ nhất, Ấn Độ gia tăng được ảnh hưởng và tạo ra thế đối trọng với Trung Quốc trong khu vực AĐD-TBD.

Thứ hai, Ấn Độ đã cải thiện được năng lực quốc phòng để dần chuyển sang vai trò quốc gia xuất khẩu vũ khí trong khu vực và giải quyết được các vấn đề an ninh trong nước.

Thứ ba, Ấn Độ tạo dựng được hình ảnh đối tác an ninh đáng tin cậy và trở thành nhà cung cấp an ninh trong khu vực cho nhiều quốc gia.

hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn 2007 đến 2024 không chỉ không tạo ra mối đe dọa đối với bất kỳ quốc gia nào, mà còn giúp Ấn Độ xây dựng thành công hình ảnh “*trỗi dậy hòa bình*” trong khu vực, chứng minh rằng hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn quyền lực mềm sẽ đóng góp vào an ninh khu vực nhiều hơn là gây ra xung đột.

4.1.3. Hạn chế và rủi ro về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Hạn chế hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD có thể được xem xét từ nhiều yếu tố sau đây:

Thứ nhất, Ấn Độ vẫn là một trong những quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới.

Thứ hai, Ấn Độ phải đối mặt với một vấn đề phức tạp liên quan đến ranh giới giữa an ninh nội bộ và bên ngoài.

Thứ ba, Ấn Độ không có chính sách quốc phòng nên khó khăn trong việc xác định và thực hiện chiến lược hợp tác quốc phòng trong khu vực.

Thứ tư, phần lớn thị trường của Ấn Độ chỉ tập trung vào các nước Nam Bán cầu, chưa thực sự vươn ra các quốc gia lớn trong khu vực.

Thứ năm, sự thiếu hụt trong các sáng kiến hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN.

Thứ sáu, ảnh hưởng của Trung Quốc gần như chắc chắn sẽ tiếp tục gia tăng và làm đảo lộn cán cân địa chính trị của khu vực AĐD-TBD.

Từ những hạn chế trên, Ấn Độ sẽ đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh trong khu vực: Một trong những mối rủi ro lớn là sự nghi ngờ từ các nước láng giềng về năng lực quốc phòng ngày càng lớn mạnh của Ấn Độ và các mối quan hệ đối tác chiến lược của nước này. Một số nước tìm cách cân bằng ảnh hưởng của Ấn Độ bằng cách xích lại gần hơn với Trung Quốc. Ấn Độ cũng đối mặt với nguy cơ xung đột lợi ích chiến lược khi chính sách “đa liên kết” chịu tác động từ các cặp cạnh tranh chiến lược bên ngoài như Mỹ-Nga, Mỹ-Trung. Quan hệ giữa Ấn Độ với các cường quốc này không chỉ dựa trên lợi ích song phương mà còn bị ảnh hưởng bởi những căng thẳng toàn cầu.

4.2. Tác động của hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Thứ nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến cục diện an ninh khu vực và sự phân bổ quyền lực trong khu vực. Nguy cơ chồng lấn chiến lược giữa các nước lớn đang ngày càng rõ nét, mặc dù là những đối tác thân cận hay “đồng minh tự nhiên” nhưng lợi ích chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Nga vẫn có thể khiến Ấn Độ rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, đối diện với rủi ro an ninh từ Trung Quốc có thể buộc Ấn Độ phải chạy đua vũ trang, tác động đến sự ổn định của khu vực.

Thứ hai, gián điệp thúc đẩy Pakistan và Trung Quốc khăng khít với nhau

Thứ ba, tăng cường ảnh hưởng và thúc đẩy các liên kết đa phương ở khu vực AĐD. Ấn Độ thể hiện vai trò mình là “nhà cung cấp an ninh” ở khu vực bằng việc tăng cường hợp tác an ninh hàng hải và quốc phòng với các nước vừa và nhỏ trong khu vực, đồng thời cũng tạo ra sự ngờ vực rằng Ấn Độ đang “bá quyền” ở nơi này.

Thứ tư, định hình một trật tự khu vực tại khu vực Đông Nam Á.

Thứ năm, tạo ra động lực để cải thiện năng lực công nghiệp quốc phòng nội địa.

Thứ sáu, hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh giúp Ấn Độ giải quyết các vấn đề an ninh trong nước, giải quyết nhiều thách thức an ninh, từ khủng bố xuyên biên giới đến các cuộc nổi loạn nội bộ

4.3. Xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Modi

Khi các nhân tố tác động trực tiếp đến an ninh khu vực có thay đổi, điều này có thể dẫn đến sự điều chỉnh trong chính sách hoặc chiến lược hợp tác quốc phòng. Xét trên bối cảnh an ninh và thực trạng hợp tác quốc phòng

của Ấn Độ trong giai đoạn 2007 đến 2024, ở nhiệm kỳ thứ 3, Thủ tướng Modi sẽ hướng đến trên hai khía cạnh là “*cân bằng trong*” và tiếp tục “*cân bằng ngoài*”. Cân bằng trong sẽ được thể hiện thông qua việc đầu tư vào sản xuất công nghệ quốc phòng với các vũ khí tối tân, hiện tại được chuyển giao từ Nga cũng như thiết bị bản địa để phục vụ cho việc xuất khẩu quốc phòng sang các nước khác trong khu vực. Ấn Độ sẽ ưu tiên các nỗ lực chống lại chủ nghĩa cực đoan và duy trì sự hòa hợp xã hội để đảm bảo tình hình trong nước ổn định thì Ấn Độ mới có thể tăng cường sự can dự ra bên ngoài.

Đối với mục tiêu “*cân bằng ngoài*”, dựa trên bối cảnh tình hình an ninh thế giới và khu vực hiện nay, luận án phác thảo dựa trên ba kịch bản có khả năng xảy ra đối với hợp tác quốc phòng của Ấn Độ như sau:

Xu hướng 1: Ấn Độ tăng cường lãnh đạo khu vực và chủ động đối đầu

Xu hướng 2: Ấn Độ sẽ củng cố liên kết với Mỹ và Quad để củng cố vị thế trong khu vực.

Xu hướng 3: Ấn Độ duy trì tự chủ chiến lược, đa liên kết để duy trì sự cân bằng chiến lược trong khu vực.

Xét trong cục diện chính trị khu vực hiện tại, *Xu hướng 3* được đánh giá là phù hợp với chiến lược của Ấn Độ dưới thời Modi 3.0. Bằng cách duy trì quyền tự chủ chiến lược và tránh tham gia các liên minh quân sự chính thức, Ấn Độ có thể củng cố mối quan hệ với cả Mỹ và Nga, đồng thời nâng cao năng lực phòng thủ, đảm bảo an ninh quốc gia và khẳng định vai trò kiến tạo “*cấu trúc an ninh khu vực*” tại khu vực AĐD-TBD.

4.4. Kiến nghị về hợp tác quốc phòng cho Việt Nam

Dựa vào kết quả thực tiễn từ việc nghiên cứu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, luận án đề xuất một số bài học kinh nghiệm cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam trong bối cảnh mới để có thể vừa tận dụng thời cơ nâng cao năng lực quốc phòng trong nước và hạn chế sự ảnh hưởng từ các mối đe dọa an ninh bên ngoài: **Thứ nhất**, Việt Nam cần phải xây dựng một lực lượng quốc phòng, quân sự vững mạnh, có chiến lược phòng ngừa xung đột từ xa thông qua việc giải quyết các tranh chấp bằng ngoại giao đa phương. **Thứ hai**, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy hợp tác quốc phòng sâu rộng với các đối tác chiến lược toàn diện, xác định thế mạnh và sự ưu tiên của từng quốc gia để phù hợp với chính sách quốc phòng của các bên. Duy trì và phát huy thế mạnh của chính sách “*ngoại giao cây tre*”, thể hiện rõ vai trò trung tâm và chủ chốt trong các diễn đàn, sáng kiến đa phương do ASEAN dẫn dắt. **Thứ ba**, Việt Nam cần tận dụng thời cơ để nâng cao năng lực và tiềm lực công nghiệp quốc phòng thông qua việc triển khai nghiên cứu và chuyển giao công nghệ quốc phòng với các đối tác an ninh hiện tại.

KẾT LUẬN

Hiện nay, trên thế giới còn tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau về định nghĩa hợp tác quốc phòng. Tuy nhiên, luận án sử dụng kết hợp định nghĩa của khái niệm “hợp tác quốc tế” trong lĩnh vực quốc phòng để không bị trùng lặp quan điểm của ngoại giao quốc phòng hay đối thoại quốc phòng. Nghiên cứu về quốc phòng của Ấn Độ với từng quốc gia không phải là vấn đề mới, nhưng luận án đã sử dụng khung phân tích dựa trên lý thuyết của ba chủ nghĩa là Hiện thực, Tự do và Kiến tạo để phân tích và làm rõ hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trên phương diện đa phương và song phương trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024.

Thủ tướng Australia Tony Abbott từng nhận định “*Ấn Độ không đe dọa ai. Ấn Độ là bạn của nhiều quốc gia. Ấn Độ là siêu cường dân chủ mới nổi của thế giới*”, câu nói này không chỉ mang tính ngoại giao mà thể hiện cách mà các quốc gia nhìn nhận về hình ảnh và trách nhiệm của Ấn Độ như một “*cường quốc mới nổi*”. Trong tiến trình động tại khu vực ADD-TBD, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã có nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt, luận án khẳng định rằng:

Thứ nhất, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ ở khu vực ADD-TBD bị tác động bởi bối cảnh thế giới, sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc, nhận thức của Ấn Độ về vai trò dẫn dắt khu vực, mối quan ngại về an ninh trong và ngoài nước và vai trò cá nhân của các nhà lãnh đạo Ấn Độ. Nếu cụ thể hơn thì xu thế trật tự đa cực ở khu vực ngày càng phát triển, sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông lẫn sự thay đổi chiến lược của các nước lớn đã tác động trực tiếp và khiến Ấn Độ phải có những thay đổi trong hợp tác quốc phòng nhằm bảo đảm được lợi ích an ninh quốc gia lẫn khu vực. Bên cạnh đó, nhân tố Trung Quốc, Pakistan được xem là những mối “*đe dọa tiềm tàng*” tạo ra thách thức an ninh trực tiếp cho Ấn Độ ở những khu vực biên giới vốn rất nhạy cảm. ASEAN thì đóng vai trò nhân tố thúc đẩy vì liên quan trực tiếp đến chính sách “*Hành động Hướng Đông*” của Ấn Độ. Ở góc độ trong nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng tăng đã tạo đà cho Ấn Độ dành ngân sách lớn cho chi tiêu và đầu tư quốc phòng để trở thành những cường quốc hàng đầu khu vực về lĩnh vực quốc phòng. Sự điều chỉnh chiến lược về quốc phòng, tình hình chính trị nội bộ kết hợp với sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu đã định hình hợp tác quốc phòng Ấn Độ từ e dè, không liên kết thành đa liên kết nhưng vẫn đảm bảo được tính tự chủ chiến lược. Cuối cùng, đường lối, chính sách và triển khai hợp tác quốc phòng cũng chịu

sự chi phối từ hai nhà lãnh đạo của Ấn Độ trong giai đoạn từ 2007 đến 2024 là Thủ tướng Manmohan Singh và Narendra Modi.

Thứ hai, với chính sách tự chủ chiến lược về mặt quốc phòng và những giá trị phi vật chất, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng thông qua hai kênh là song phương và đa phương với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực, đặc biệt là từ năm 2007 đến năm 2024 vì mục tiêu an ninh quốc gia. Rõ ràng, Ấn Độ đối diện với rất nhiều thách thức an ninh như xung đột với Trung Quốc và Pakistan ở trên bộ, vấn đề hồi giáo với Bangladesh, sự kiểm soát của Trung Quốc trên ADD thông qua việc “*xích gân hơn*” với Maldives và quản lý cảng Hamaboton ở Sri Lanka. Nếu nhìn từ phía đại dương, Ấn Độ đang bị Trung Quốc “*bao vây*” bằng chiến lược “Chuỗi ngọc trai” khiến Ấn Độ khó tiếp cận các khu vực khác, đặc biệt là ASEAN và sự liên kết giữa các thành viên của Quad. Những quốc gia trong khu vực ADD-TBD đều đối mặt với những vấn đề an ninh truyền thống lẫn phi truyền thống, nhu cầu tăng cường tiềm lực khí tài quốc phòng là không ngừng tăng, đây cũng được xem là những mục tiêu để giúp Ấn Độ trở thành quốc gia xuất khẩu vũ khí trong khu vực.

Thứ ba, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã có tác động đáng kể đến an ninh của khu vực ADD-TBD. Ấn Độ đã “*thức dậy*” mạnh mẽ và trở thành một quốc gia “*trỗi dậy hòa bình, lành tính*” để cân bằng quyền lực với Trung Quốc và đóng một vai trò cân bằng quan trọng trong hệ thống quốc tế, đặc biệt là ở khu vực ADD-TBD. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức có thể tác động đến hợp tác quốc phòng Ấn Độ và đặt ra những thách thức an ninh bên trong lẫn bên ngoài. Luận án đã chứng minh được Ấn Độ đã áp dụng một cách tiếp cận quốc phòng thực tế và quyết đoán hơn. Sự hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã thể hiện qua việc xây dựng các đối tác chiến lược, tham gia vào các diễn đàn khu vực như Quad, ASEAN, SAARC, BIMSTEC, IORA và cả SCO. Những hoạt động này giúp tăng cường khả năng tác chiến của Ấn Độ thông qua các cuộc tập trận hải quân, mua sắm và sản xuất khí tài quân sự như tàu sân bay, tàu khu trục, và máy bay không người lái vũ trang. Đồng thời, thông qua triển khai hợp tác, các giá trị cốt lõi của Ấn Độ về sự tôn trọng lẫn nhau và cùng tồn tại hòa bình đã nhận được thiện cảm từ các nước bởi cách thức hợp tác quốc phòng không tạo ra bất kỳ sự đe dọa an ninh nào trong khu vực. Đồng thời, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Việt Nam giúp tạo ra một mạng lưới đối tác có cùng chí hướng chứ không phải liên minh quân sự hay đồng minh chính thức, hỗ trợ

cho chiến lược cân bằng với sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc. Các cuộc đụng độ ở Galwan năm 2020 đã thay đổi quỹ đạo quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc, buộc chính phủ Ấn Độ và các nhà hoạch định chính sách phải thực hiện những thay đổi lớn và dài hạn để hiện đại hóa quân đội và năng lực quốc phòng. Mặc dù còn đối mặt với những hạn chế và thách thức về năng lực quốc phòng trên bộ, các nỗ lực này đã giúp nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực.

Thứ tư, trong nhiệm kỳ thứ 3 của Thủ tướng Modi, Ấn Độ sẽ tiếp tục mở rộng hợp tác quốc phòng ở ADD-TBD với các đối tác an ninh hiện tại. Sự phát triển của Ấn Độ trong thời kỳ này không chỉ là về kinh tế mà còn về khả năng quân sự và vai trò chiến lược trên trường quốc tế. Với tư cách là một cường quốc toàn cầu đang trỗi dậy và là một bên tham gia quan trọng trong khu vực, Ấn Độ sẽ tìm cách thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược, đặc biệt là với các quốc gia có chung mối quan ngại về các thách thức an ninh khu vực. Trong bối cảnh đó, một trong những ưu tiên của Ấn Độ là củng cố và phát triển các hợp tác quốc phòng và an ninh hiện có như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga và một số thành viên ASEAN sẽ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược này. Ấn Độ cũng sẽ duy trì trạng thái cân bằng cơ bản với Trung Quốc. Thông qua Quad, Ấn Độ vừa tăng cường hợp tác quân sự với các cường quốc chủ chốt, vừa tạo nền tảng để ứng phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc, đồng thời mở rộng hiện diện và nâng cao vị thế chiến lược trong khu vực. Điều này giúp Ấn Độ nâng cao năng lực quốc phòng và tăng cường khả năng bảo vệ lợi ích quốc gia. Đối với các quốc gia Đông Nam Á hay ASEAN thì sự hợp tác này không chỉ là về việc mua bán vũ khí hay chuyển giao công nghệ quân sự, mà còn về việc xây dựng lòng tin và tăng cường khả năng tự vệ của các quốc gia trong khu vực. Các cuộc đối thoại quốc phòng như ADMM+ là nền tảng quan trọng để Ấn Độ thảo luận và phối hợp với các nước ASEAN về các thách thức an ninh chung. Ấn Độ có thể cung cấp hỗ trợ về huấn luyện quân sự, viện trợ quốc phòng, và chia sẻ kinh nghiệm về an ninh hàng hải, từ đó giúp củng cố sự ổn định trong khu vực. Ngoài ra, Ấn Độ sẽ tiếp tục phát triển hạm đội hải quân của mình để đảm bảo khả năng kiểm soát và bảo vệ các tuyến đường biển quan trọng trong khu vực ADD-TBD. Các chiến lược hải quân như xây dựng các căn cứ hải quân tại các đảo chiến lược, tham gia vào các liên minh an ninh hàng hải, và tăng cường tuần tra biển là những bước đi quan trọng để bảo vệ lợi ích kinh tế và an ninh của Ấn Độ. Sự hiện diện hải quân mạnh mẽ của Ấn Độ

không chỉ giúp ngăn chặn các mối đe dọa từ bên ngoài mà còn tạo ra sự cân bằng quyền lực trong khu vực, giảm thiểu nguy cơ xung đột. Các cơ chế đa phương sẽ giúp Ấn Độ không chỉ bảo vệ được tiếng nói trong các vấn đề toàn cầu, mà còn thúc đẩy mối quan hệ hợp tác song phương và củng cố vị thế của mình như một quốc gia có ảnh hưởng không chỉ ở Nam Á mà còn trên toàn khu vực Nam Bán cầu.

Việt Nam có thể học hỏi từ Ấn Độ về việc duy trì quan hệ cân bằng với các cường quốc, đồng thời giữ vững quyền tự chủ chiến lược và chính sách quốc phòng "Bốn Không", nguyên tắc “Một đồng” và “Một tùy”. Việc nội địa hóa công nghệ quốc phòng giúp giảm sự phụ thuộc vào nước lớn, tránh rủi ro an ninh, đặc biệt là từ Trung Quốc. Tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương để xây dựng và duy trì các quan hệ nhằm tăng cường an ninh quốc gia. Bằng cách áp dụng một cách tiếp cận tương tự, Việt Nam có thể củng cố năng lực quốc phòng của chính mình và đảm bảo một vai trò ổn định và có ảnh hưởng hơn trong khu vực.

Như vậy, có thể kết luận, mục tiêu của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng không chỉ tập trung vào việc tăng cường khả năng phòng thủ quốc gia, mà còn hướng đến việc cân bằng quyền lực với Trung Quốc, trong bối cảnh căng thẳng khu vực gia tăng. Để đạt được điều này, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt theo cách riêng, không tìm kiếm liên minh quân sự với bất kỳ quốc gia nào nhằm điều chỉnh cán cân quân sự trong khu vực. Những hoạt động hợp tác bao gồm các chuyên huấn luyện cao, đào tạo và tập trận chung, mua bán vũ khí - chuyển giao công nghệ quốc phòng, giúp Ấn Độ xây dựng một mạng lưới đối tác quốc phòng vững chắc. Thông qua các hợp tác này, Ấn Độ không chỉ tăng cường sức mạnh quốc phòng để giải quyết các vấn đề an ninh trong nước mà còn thể hiện cam kết bảo vệ trật tự và ổn định khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các lợi ích chiến lược của mình tại khu vực.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tran My Hai Loc (2023), “India-Japan defense cooperation from 2008 onwards in the Indo-Pacific Region”, *2023 International Graduate Research Symposium (2023 IGRS), University of Languages and International Studies – VNU*, Vietnam National University Press, Hanoi, pp. 511-524, ISBN: 978-604-384-167-1
2. Tran My Hai Loc (2023), “India's Regional Security and Defense Cooperation: A Study of Sino-Indian Rivalry in Sri Lanka”, *Journal of Social and Political Sciences*, 6(2), pp. 31-45, DOI: doi.org/10.31014/aior.1991.06.02.408
3. Tran My Hai Loc (2023), “India's security threats from Chinese military funding and economic development in South Asia”, *Global: Jurnal Politik Internasional*, 25 (2), pp. 115-139, DOI: doi.org/10.7454/global.v25i2.1289
4. Tran My Hai Loc (2024), “China–Maldives defence ties threaten India’s influence”, *East Asia Forum*, ISSN 1839-0242.
5. Tran My Hai Loc (2024), “India - Russia defense cooperation under Modi's administration”, *Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, pp 486-500, ISBN: 978-604-43-1656-7
6. Tran My Hai Loc (2024), “India’s Strategic Considerations with Russia in the Post-Russia-Ukraine War Era”. *Resolusi: Jurnal Sosial Politik*, 7(2), pp. 58-74.
7. Tran My Hai Loc (2024), “India-ASEAN defense cooperation from 2007 onwards: Pathways for regional security in Southeast Asia”, *Proceedings of International Conference “Regional and Sub-Regional Cooperation in East and Southeast Asia: Toward a Sustainable and Innovative Future”*, The Gioi Publishers, Hanoi, pp. 170-193, ISBN: 978-604-77-3984-4
8. Trần Mỹ Hải Lộc (2023), “Ngoại giao quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2016 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 1 (122), tr. 1-9.
9. Trần Mỹ Hải Lộc (2024), “Phát triển kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng: Bài học kinh nghiệm từ Ấn Độ”, *Kinh tế và Dự báo*, 20 (886), tr. 203-206.